

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

|    | Mã SV    | Họ đệm              | Tên    | Lớp       | Công nợ học phí | Công nợ thu khác | Tổng công nợ | GHI CHÚ |
|----|----------|---------------------|--------|-----------|-----------------|------------------|--------------|---------|
| 1  | 17004661 | Trần Lê Trường      | Ân     | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 2  | 17000487 | Châu Huỳnh          | Anh    | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 3  | 17001163 | Đàm Gia             | Chấn   | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 4  | 17000681 | Tạ Bảo              | Châu   | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 5  | 17001993 | Nguyễn Thị Ngọc     | Duyên  | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 6  | 17003183 | Lê Thị Bích         | Hà     | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 7  | 17004806 | Nguyễn Thu          | Hà     | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 8  | 17001999 | Trần Ngọc           | Hân    | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 9  | 17002750 | Huỳnh Phúc          | Hậu    | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 10 | 16000733 | Lương Quốc          | Hung   | 17T4-KTD1 | 5,562,000       | 140,000          | 5,702,000    |         |
| 11 | 17000904 | Trịnh Thị Lan       | Hương  | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 12 | 17000861 | Ngô Hoàng           | Kim    | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 13 | 17000147 | Mông Mỹ             | Mỹ     | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 14 | 17003375 | Đoàn Thị Thu        | Nguyệt | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 15 | 17002079 | Hứa Ngọc Thanh      | Nhàn   | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 16 | 17000152 | Phan Trần Phương    | Nhi    | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 17 | 17003278 | Trần Đào Thảo       | Nhi    | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 18 | 17000525 | Trần Thị Quỳnh      | Như    | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 19 | 17000199 | Nguyễn Ngọc         | Thịnh  | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 20 | 17000248 | Nguyễn Hoàng Anh    | Thư    | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 21 | 17000896 | Nguyễn Kiều Minh    | Thư    | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 22 | 17000253 | Phạm Anh            | Thư    | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 23 | 17000188 | Nguyễn Thị Ngọc     | Trang  | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 24 | 17000845 | Nguyễn Thiên        | Trang  | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 25 | 17000638 | Trịnh Hồng          | Vân    | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 26 | 17000225 | Đỗ Hà Triệu         | Vy     | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |
| 27 | 17000110 | Trần Huỳnh Hoa Thúy | Vy     | 17T4-KTD1 | 4,738,000       | 140,000          | 4,878,000    |         |